

Bản án số: 32/2022/HS-ST

Ngày: 15-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh - Cán bộ hưu trí thị trấn K, huyện K;

2. Bà Hoàng Thị Quế - Cán bộ hưu trí thị trấn K, huyện K;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Đào Văn M, sinh ngày 16 tháng 02 năm 1983, tại A, Gia Lai; nơi thường trú: Thôn 2, xã Thành An, thị xã A, tỉnh Gia Lai; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đào Văn H và bà Nguyễn Thị L (đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kiều T và 02 người con. Nhân thân: Tốt.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1983 và ông Đinh Văn T, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ: Làng Lọt, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Nguyễn Thành Trung - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 2, xã Thành An, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 08/6/2022, Đào Văn M mượn xe mô tô biển kiểm soát 81G1-033.96 của anh Nguyễn Thanh S, rồi một mình điều khiển xe chạy vào khu vực xã K, huyện K để tìm bê măng, khi đi M mang theo 01 con dao rựa và 01 bao tải màu trắng. Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến địa giới hành chính thuộc làng Lọt, xã K, huyện K thì thấy 01 con dê cái, lông màu đen, trọng lượng 26kg của bà Đinh Thị T và ông Đinh Văn T đang cột dây thừng cho ăn tại bãi cỏ. Lúc này, M quan sát xung quanh không thấy có người trông coi nên đã nảy sinh ý định bắt trộm con dê đó. M dừng xe đi đến chỗ con dê và dùng rựa cắt dây thừng rồi bỏ con dê vào bao tải màu trắng. Mạn đặt con dê ở trước бага xe máy chờ đi thì bị anh Đinh Văn Kinh và anh Đinh Thor phát hiện bắt, giữ M cùng tang vật và trình báo sự việc với Công an xã K.

Sau khi sự việc xảy ra Công an xã K nhận thấy vụ việc có tính chất phức tạp vượt quá thẩm quyền giải quyết nên báo cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã phối hợp với cơ quan chức năng khám nghiệm hiện trường, thu giữ vật chứng, lấy lời khai của bị cáo, làm việc với bị hại, người làm chứng.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 13/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tô tụng hình sự huyện K, kết luận: Giá trị 01 con dê cái màu đen, khoảng 02 năm tuổi, cân nặng 26 kg tại thời điểm tháng 6/2022 là 2.600.000 đồng (*hai triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tạm giữ:

- 01 (*một*) con dê cái, màu lông đen, khoảng 02 năm tuổi, cân nặng 26kg, quá trình điều tra xác định, con dê này là tài sản hợp pháp của bà Đinh Thị T và ông Đinh Văn T. Ngày 14/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 19/QĐ-ĐTTH trả lại con dê nêu trên cho bà Đinh Thị T và ông Đinh Văn T; bà T và ông T đã nhận lại dê và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

- 01 (*một*) xe mô tô biển kiểm soát 81G1-033.96, chủ xe Nguyễn Thanh S do Đào Văn M giao nộp. Quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô đã được M sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Nguồn gốc xe mô tô biển kiểm soát 81G1-033.96 là của ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984 (*em vợ của M*); trú tại Thôn 2, xã Thành An, thị xã A cho M mượn để đi làm. Việc M lấy chiếc xe mô tô đi thực hiện hành vi vi phạm pháp luật thì anh S không biết, không được bàn bạc hay hưởng lợi gì. Ngày 21/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K ra Quyết định xử lý vật chứng số: 29/QĐ-ĐTTH trả lại cho chủ sở hữu Nguyễn Thanh S. Anh S đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì thêm.

- 01 (*một*) cái dao rựa dài 63,5cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 24,5cm; bản rộng 3,8cm, cán làm bằng gỗ dài 39cm; đường kính cán gỗ 2,5cm một đầu bọc kim loại; 01 (*một*) bao tải màu trắng đã cũ, kích thước (90cmx 55cm); đây là công cụ

phương tiện bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội của mình bị nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

- 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 85cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 3,7cm, đã qua sử dụng, chỉ T dùng để cột con dê, 02 đoạn dây thừng này không có giá trị nên chỉ T không yêu cầu trả lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 10/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Đào Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Đào Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo;

Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Văn M từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Do bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái dao rựa dài 63,5cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 24,5cm; bản rộng 3,8cm, cán làm bằng gỗ dài 39cm; đường kính cán gỗ 2,5cm một đầu bọc kim loại; 01 (một) bao tải màu trắng đã cũ, kích thước (90cmx 55cm); 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 85cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 3,7cm, đã qua sử dụng.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Đào Văn M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại ông Nguyễn Thành Trung trình bày: Thống nhất với lời luận tội của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức của đầu khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề nghị.

Về xử lý vật chứng: Thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày là đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào sáng ngày 08/6/2022, tại địa giới hành chính làng Lọt, xã K, huyện K, tỉnh Gia Lai, lợi dụng lúc không có ai bị cáo Đào Văn M đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 con dê có đặc điểm lông đen, cân nặng 26kg của gia đình bà Đinh Thị T, giá trị tài sản chiếm đoạt là 2.600.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm nghìn đồng). Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Đào Văn M về tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy

đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Bị cáo đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng vì tham lam tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên đã thực hiện phạm tội, gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, hậu quả gây ra cho xã hội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo M không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Vật chứng vụ án: Đối với 01 (một) cái dao rựa dài 63,5cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 24,5cm; bản rộng 3,8cm, cán làm bằng gỗ dài 39cm; đường kính cán gỗ 2,5cm một đầu bọc kim loại; 01 (một) bao tải màu trắng đã cũ, kích thước (90cmx 55cm); đây là công cụ phương tiện phạm tội và không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 85cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 3,7cm, đã qua sử dụng; bị hại chị T không yêu cầu nhận lại, không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Đào Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[2] Xử phạt: Đào Văn M **06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cái dao rựa dài 63,5cm, mũi cong, lưỡi bằng kim loại dài 24,5cm; bản rộng 3,8cm, cán làm bằng gỗ dài 39cm; đường kính cán gỗ 2,5cm một đầu bọc kim loại;

- 01 (một) bao tải màu trắng đã cũ, kích thước (90cmx 55cm);
- 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 85cm, đã qua sử dụng;
- 01 (một) đoạn dây thừng màu đen, đường kính 0,5cm dài 3,7cm, đã qua sử dụng.

(Đặc điểm cụ thể của vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/10/2022 giữa Công an huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K)

[4] Về án phí:

Buộc bị cáo Đào Văn M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Ngọc